

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
BỘ MÔN QUẢN TRỊ THÔNG TIN THƯ VIỆN**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

NGÀNH THÔNG TIN - THƯ VIỆN (45)

Cần Thơ, tháng 5 năm 2020

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH THÔNG TIN THƯ VIỆN

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Thông tin Thư viện được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Thông tin - Thư viện
Tên chương trình (tiếng Anh)	Library and Information Science
Mã số ngành đào tạo	7320201
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	141 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy, giáo dục thường xuyên
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4); - Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10); - Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.
Vị trí việc làm	- Cán bộ thư viện trong các loại hình thư viện trong và ngoài nước; - Chuyên gia tìm kiếm, tổ chức, quản lý, và cung cấp thông tin; - Chuyên gia giới thiệu, tư vấn và triển khai cài đặt cho khách hàng các sản phẩm phần mềm quản trị thông tin - thư viện;

	- Cán bộ quản lý thông tin trong các cơ quan thuộc các Bộ, ngành, các công ty, doanh nghiệp có nhu cầu quản lý thông tin; - Cán bộ giảng dạy ở các cơ sở đào tạo ngành Thông tin-Thư viện; - Lãnh đạo của các cơ sở môi giới và kinh doanh thông tin.
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	- Học thạc sỹ, trong và ngoài nước trong lĩnh vực thông tin học, khoa học thư viện, và quản lý hệ thống thông tin, hệ thống thông tin kinh tế; - Tham gia nghiên cứu khoa học về thông tin học và quản trị thông tin; - Học tập suốt đời, cập nhật kiến thức, tiếp tục nghiên cứu và học tập chuyên sâu về thông tin - thư viện.
Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	- Chương trình khung của Bộ Giáo dục-Đào tạo; - Chương trình đào tạo của Khoa Thông tin- Thư viện Trường Đại học Victoria, Wellington (New Zealand); - Chương trình đào tạo của Khoa Thông tin- Thư viện Trường Đại học Văn hoá Hà Nội; - Chương trình đào tạo của Khoa Thông tin- Thư viện, Đại học Khoa học Xã hội - Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh;
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	- Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 - 2023. - Chương trình đào tạo ngành Thông tin Thư viện đã được đánh giá nội bộ theo tiêu chuẩn của Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các cơ sở giáo dục đại học Đông Nam Á (AUN-QA) năm 2013.
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 5 năm 2020

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình Thông tin-Thư viện trình độ đại học đào tạo những cử nhân có kiến thức chuyên môn toàn diện, có khả năng sử dụng công nghệ thông tin để thu thập, tổ chức, quản lý, khai thác, và phổ biến thông tin một cách thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực thông tin-thư viện; có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, xã hội, pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng và an ninh; có năng lực tự chủ và trách nhiệm, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi, có năng lực nghiên cứu khoa học và có sức khoẻ đáp ứng được những yêu cầu hoàn thiện bản thân của người học, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu của quốc tế

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên môn, kỹ năng và năng lực để đảm nhận công việc trong các thư viện, cơ quan thông tin, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, đào tạo và các tổ chức khác có liên quan đến công tác thông tin tư liệu;

- b. Trang bị cho sinh viên những kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong môi trường thông tin-thư viện, các cơ quan thông tin tư liệu, cũng như công tác quản lý thông tin trong các tổ chức, doanh nghiệp;
- c. Bồi dưỡng cho sinh viên kiến thức quốc phòng - an ninh, phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, năng lực giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn phục vụ cho sự nghiệp xây dựng đất nước, năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực và quốc tế;
- d. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp, kỹ năng học tập suốt đời, năng lực tự nghiên cứu, tác phong chuyên nghiệp, khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ vào thực tiễn một cách chủ động và sáng tạo, biết cách tiếp cận các thành tựu khoa học kỹ thuật mới và khả năng khởi nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo người học đạt được kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

3.1. Kiến thức

3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

- a. Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh; các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế-xã hội của Đảng và Nhà nước;
- b. Nắm vững kiến thức cơ bản về tiếng Anh/tiếng Pháp tương đương trình độ B1; Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).
- c. Nắm vững kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.

3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

- a. Nắm vững kiến thức về lý luận và phương pháp xác định, đánh giá, tổ chức và quản lý các nguồn lực thông tin và các cơ quan thông tin-thư viện.
- b. Sử dụng thành thạo phương pháp phân loại, mô tả, bảo quản các loại hình tài liệu và những kỹ năng nghiên cứu, tổ chức và quản lý các hoạt động của các cơ quan thông tin - thư viện;
- c. Đáp ứng hiệu quả những yêu cầu cơ bản về tạo lập và quản lý cơ sở dữ liệu, thiết kế web, sử dụng công nghệ mạng máy tính và sử dụng các công nghệ hiện đại để tự động hóa công tác quản trị thông tin-thư viện;

3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

- a. Nắm vững kiến thức chuyên sâu về thông tin - thư viện như tổ chức thông tin, kỹ năng thông tin, dịch vụ thông tin, phát triển vốn tài liệu, chính sách thông tin, và ứng dụng kiến thức về CNTT vào công tác tin học hóa nghiệp vụ tổ chức thông tin;
- b. Am hiểu về cách tổ chức, quản lý, giao tiếp trong các cơ quan thông tin-thư viện;
- c. Nắm vững kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu khoa học, cách viết đề cương, báo cáo, và bài báo nghiên cứu khoa học.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

- a. Nắm vững cách xác định, đánh giá các nguồn tài nguyên thông tin truyền thống và trực tuyến; phân tích nhu cầu tin của người dùng tin và tư vấn nguồn tin phù hợp;
- b. Sử dụng thành thạo các chuẩn quốc tế (AACR2, DDC, LCSH, DUBLIN CORE, MARC21...) về biên mục mô tả nội dung và hình thức của các loại hình tài liệu để xây dựng các CSDL thư mục và toàn văn phục vụ cho việc tra cứu và chia sẻ dữ liệu thư mục với các tổ chức thông tin thư viện trong và ngoài nước;
- c. Sử dụng thành thạo các phần mềm mã nguồn mở để xây dựng các bộ sưu tập tài liệu số; thiết kế website cho các cơ quan thông tin-thư viện; quản trị hệ thống thư viện tích hợp; ứng dụng công nghệ web vào công việc chuyên môn;
- d. Nắm vững kiến thức chuyên môn về quản lý và vận hành các cơ quan thông tin-thư viện bao gồm marketing, quản lý nhân sự, chính sách thông tin, môi giới thông tin, và bảo quản tài liệu.

3.2.2. Kỹ năng mềm

- a. Có kỹ năng lập kế hoạch thực hiện công việc, giải quyết vấn đề, và đánh giá chất lượng công việc, tư duy phản biện, khả năng thích ứng, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc trong môi trường đa văn hóa, kỹ năng học tập suốt đời và tự khởi nghiệp;
- b. Có kỹ năng sử dụng hiệu quả ngôn ngữ nói và viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh để truyền đạt thông tin trong công việc;
- c. Có kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng cơ bản như Word, Excel, Power-point, khai thác và sử dụng Internet, các phần mềm thư viện điện tử trong đó có phần mềm nguồn mở.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- a. Nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trong lĩnh vực thư viện, có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và lối sống lành mạnh, có ý thức và tinh thần trách nhiệm công dân
- b. Hình thành ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, chấp hành sự phân công của cơ quan; tôn trọng sự khác biệt về quan điểm, có đạo đức nghề nghiệp, và có lòng yêu nghề.

4. Tiêu chí tuyển sinh

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo (1)	Chuẩn đầu ra (2)																										
	Kiến thức (2.1)												Kỹ năng (2.2)										Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)				
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)				Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)				Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)				Kỹ năng cứng (2.2.1)					Kỹ năng mềm (2.2.2)									
	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	f	a	b	c	d
1.2a		x			x			x	x		x		x	x		x		x	x								
1.2b				x		x	x			x					x								x				
1.2c	x		x					x			x					x						x		x	x	x	
1.2d			x					x				x		x		x	x	x	x	x	x						x

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																		Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)	
			Kiến thức (2.1)									Kỹ năng (2.2)										
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)			Kỹ năng cứng (2.2.1)				Kỹ năng mềm (2.2.2)						
Khối kiến thức giáo dục đại cương																						
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	a	b		
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	x													x			x			
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	x													x			x			
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	x													x			x			
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 *)	x													x			x			
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	x																x			
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)		x													x			x		
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)		x													x			x		
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)		x													x			x		
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)		x													x			x		
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)		x													x			x		
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)		x													x			x		
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)		x													x			x		
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)		x													x			x		
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)		x													x			x		
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)		x													x			x		

16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)		x												x			x
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)		x												x			x
18	TN033	Tin học căn bản (*)			x												x		
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)			x												x		
20	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	x			x												x	
21	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	x			x												x	
22	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x			x												x	
23	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	x			x												x	
24	KL001	Pháp luật đại cương	x													x		x	
25	ML007	Logic học đại cương	x													x		x	
26	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x													x		x	
27	XH012	Tiếng Việt thực hành	x													x		x	
28	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	x													x		x	
29	XH028	Xã hội học đại cương	x													x		x	
30	KN001	Kỹ năng mềm	x											x	x	x			x
31	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	x											x	x	x			x
32	TN011	Thống kê xã hội học	x													x			x
33	SP009	Tâm lý học đại cương	x													x			x
34	TN037	Microsoft Access			x								x				x		
35	TN038	TT. Microsoft Access			x								x				x		
Khối kiến thức cơ sở ngành																			
36	TV101	Xã hội thông tin	x			x			x						x		x	x	x
37	TV114	Xác định và đánh giá nguồn tài nguyên thông tin				x			x		x				x	x	x	x	x
38	TV115	Cấu trúc và tổ chức thông tin				x			x	x			x			x		x	x
39	TV104	Công nghệ và các hệ thống thông tin			x	x			x				x			x	x	x	x
40	TV137	Nhập môn công tác quản lý trong các cơ quan thông tin	x			x				x		x				x	x	x	x
41	TV122	Phương pháp nghiên cứu khoa học thông tin thư viện					x				x	x				x	x	x	x
42	TV117	Quản lý nguồn tài nguyên thông tin	x			x				x		x				x	x	x	x
43	TV132	Kỹ năng thông tin căn bản			x		x		x				x			x	x	x	x

44	TV111	Anh văn chuyên ngành TT - TV 1		x				x	x	x		x				x	x	x	x	x
45	TV112	Anh văn chuyên ngành TT - TV 2		x				x	x	x		x				x	x	x	x	x
46	TV123	Giao tiếp trong công sở			x	x				x		x				x	x	x	x	x
47	CT187	Nền tảng công nghệ thông tin			x		x		x					x		x	x	x	x	x
48	CT179	Quản trị hệ thống			x		x		x						x	x	x	x	x	x
49	CT259	Tổng quan về hệ thống e-learning			x		x		x			x		x		x	x	x	x	x
50	TV109	Các hệ thống tổ chức và truy cập thông tin			x	x			x				x			x	x	x	x	x
Khối kiến thức chuyên ngành																				
51	TV124	Định chủ đề					x		x				x			x	x			x
52	TV125	Phân loại tài liệu					x		x				x			x	x			x
53	TV301	Thiết kế Web			x			x		x				x			x	x		x
54	TV126	Marketing trong thư viện và cơ quan thông tin	x			x		x		x				x	x	x	x	x		x
55	TV262	Tự động hóa hoạt động thư viện			x			x	x					x	x			x	x	
56	TV256	Quản lý nội dung Web			x			x	x					x				x	x	
57	TV326	Quản lý nguồn nhân lực và các tổ chức TT-TV	x			x				x					x	x				x
58	TV327	Chính sách thông tin	x			x				x					x	x				x
59	TV235	Thực tế TT-TV				x			x						x					x
60	TV236	Thực tập thông tin thư viện				x			x						x					x
61	TV311	Bảo quản tài liệu trong thư viện và cơ quan thông tin	x				x		x						x					x
62	TV128	Nguồn thông tin kinh tế	x			x			x			x				x				x
63	TV129	Nguồn thông tin y tế	x			x			x			x				x				x
64	TV130	Nguồn thông tin khoa học công nghệ	x			x			x			x				x				x
65	TV329	Mô tả tài liệu					x		x				x			x				x
66	TV131	Tạo lập cơ sở dữ liệu TT - TV						x	x					x		x				x
67	TV314	Đào tạo kỹ năng thông tin				x		x		x		x				x				
68	TV331	Công tác phục vụ bạn đọc				x			x			x				x				x
69	TN211	Nhập môn hệ thống thông tin địa lý						x	x			x				x				x
70	TV257	Siêu dữ liệu ứng dụng						x	x				x			x				x
71	TV302	Quản lý nguồn tài liệu số			x		x	x	x				x			x				x
72	TN205	Hệ thống mạng máy tính căn bản			x			x	x				x			x				x
73	TV263	Ứng dụng nghiệp vụ chuyên môn				x	x	x	x						x	x				

74	KT337	Thương mại điện tử						X	X				X			X				X
75	XN110	Kỹ thuật xử lý ảnh và dựng video						X	X				X			X				X
76	TV334	Internet và các công nghệ trên Internet			X			X	X				X			X				X
77	XN223	Giao tiếp và tạo lập văn bản hành chính				X					X				X	X	X			X
78	TV133	Chuyên đề thông tin - thư viện				X					X				X	X	X			X
79	TV323	Luận văn tốt nghiệp - TT&TV				X	X	X			X				X		X			X
80	TV322	Tiểu luận tốt nghiệp - TT&TV				X	X	X			X				X		X			X
81	TN200	Mã nguồn mở						X	X					X			X		X	
82	CT272	Thương mại điện tử - CNTT						X	X					X			X		X	
83	KT314	Hệ thống thông tin kinh tế				X			X					X			X		X	
84	KT363	Quản trị văn phòng				X				X					X		X		X	
85	TV134	Môi giới thông tin				X				X					X		X		X	
86	TV135	Quản lý dự án thư viện và các cơ quan thông tin				X				X					X		X		X	
87	TV136	Dịch vụ thư viện dành cho trẻ em				X			X	X		X		X	X		X			X
88	TV310	Hệ thống thông tin thư viện các nước				X			X	X					X		X			X
89	TV316	Công tác địa chí				X			X	X		X			X		X			X
90	TV332	Các dịch vụ thư viện đặc biệt				X			X	X		X			X	X				X
91	TV333	Xuất bản điện tử				X		X	X				X	X		X				X

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình dạy học ngành Thông tin Thư viện được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa : 141 tín chỉ

Khối kiến thức giáo dục đại cương : 47 tín chỉ (Bắt buộc: 32 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)

Khối kiến thức cơ sở ngành : 36 tín chỉ (Bắt buộc: 30 tín chỉ; Tự chọn: 6 tín chỉ)

Khối kiến thức chuyên ngành : 58 tín chỉ (Bắt buộc: 37 tín chỉ; Tự chọn: 21 tín chỉ)

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện	
Khối kiến thức Giáo dục đại cương											
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành			
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành			
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bố trí theo nhóm ngành			
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bố trí theo nhóm ngành			
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	AV	10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60				I,II,III	
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		I,II,III	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024		I,II,III	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025		I,II,III	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		I,II,III	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032		I,II,III	
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			PV	60				I,II,III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3				45		FL001		I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3				45		FL002		I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4				60		FL003		I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	45				FL007		I,II,III	
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	45				FL008		I,II,III	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1			15				I,II,III
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I,II,III	
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III	
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III	
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III	
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III	
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III	
25	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III	
26	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				I,II,III	
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I,II,III	
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				I,II,III	
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				I,II,III	
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I,II,III	
31	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20			I,II,III	
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I,II,III	
33	TN011	Thống kê xã hội học	2	2		30				I,II,III	
34	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30				I,II,III	
35	TN037	Microsoft Access	2	2		30				I,II,III	
36	TN038	TT. Microsoft Access	2	2			60	TN034		I,II,III	
Cộng: 47 TC (Bắt buộc 32 TC; Tự chọn: 15 TC)											

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
Khối kiến thức cơ sở ngành										
37	TV101	Xã hội thông tin	3	3		45				I
38	TV114	Xác định và đánh giá nguồn tài nguyên thông tin	2	2		20	20			II
39	TV115	Cấu trúc và tổ chức thông tin	3	3		30	30	TV101		I,II
40	TV104	Công nghệ và các hệ thống thông tin	3	3		30	30	TV101		I,II
41	TV137	Nhập môn công tác quản lý trong các cơ quan thông tin	3	3		45				I,II
42	TV117	Quản lý nguồn tài nguyên thông tin	2	2		30				I,II
43	TV122	Phương pháp nghiên cứu khoa học thông tin thư viện	3	3		45		≥60TC, TN011, TV132		I,II
44	TV132	Kỹ năng thông tin căn bản	2	2		15	30			I,II,III
45	TV111	Anh văn chuyên ngành TT-TV 1	3	3		45		XH025		I,II
46	TV112	Anh văn chuyên ngành TT-TV 2	3	3		45		TV111		I,II
47	TV123	Giao tiếp trong công sở	3	3		45		TV137		I,II
48	CT187	Nền tảng công nghệ thông tin	3		3	30	30			I,II
49	CT179	Quản trị hệ thống	3			30	30			I,II
50	CT259	Tổng quan về hệ thống e-learning	3		3	45				I,II
51	TV109	Các hệ thống tổ chức và truy cập thông tin	3			30	30			I,II
Cộng: 36 TC (Bắt buộc 30 TC; Tự chọn: 06 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
52	TV124	Định chủ đề	2	2		15	30	TV115		I,II
53	TV125	Phân loại tài liệu	2	2		15	30	TV124		I,II
54	TV301	Thiết kế Web	3	3		30	30			I,II
55	TV126	Marketing trong thư viện và cơ quan thông tin	3	3		45				I,II
56	TV262	Tự động hóa hoạt động thư viện	3	3		30	30	TV104		I,II
57	TV256	Quản lý nội dung Web	2	2		15	30	TV301		I,II
58	TV326	Quản lý nguồn nhân lực và các tổ chức TT-TV	2	2		30		TV137		I,II
59	TV327	Chính sách thông tin	2	2		30		TV101		I,II
60	TV235	Thực tế TT-TV	1	1			30			III
61	TV236	Thực tập thông tin thư viện	2	2			60	≥ 100TC		I,II,III
62	TV311	Bảo quản tài liệu trong thư viện và cơ quan thông tin	2	2		20	20	TV117		I,II
63	TV128	Nguồn thông tin kinh tế	2		2	30				I,II
64	TV129	Nguồn thông tin y tế	2			30				I,II
65	TV130	Nguồn thông tin khoa học công nghệ	2			30				I,II
66	TV329	Mô tả tài liệu	2	2		15	30	TV115		I,II
67	TV131	Tạo lập cơ sở dữ liệu TT - TV	3	3		30	30	TV104		I,II
68	TV314	Đào tạo kỹ năng thông tin	2	2		20	20	TV132, TV114		I,II
69	TV331	Công tác phục vụ bạn đọc	2	2		20	20			I,II
70	TN211	Nhập môn hệ thống thông tin địa lý	2		2	20	20			I,II
71	TV257	Siêu dữ liệu ứng dụng	2			20	20	TV329, TV131		I,II
72	TV302	Quản lý nguồn tài liệu số	3		3	30	30	TV117		I,II
73	TN205	Hệ thống mạng máy tính căn bản	3			30	30			I,II
74	TV263	Ứng dụng nghiệp vụ chuyên môn	2		2	20	20			I,II
75	KT337	Thương mại điện tử	2			30				I,II
76	XN110	Kỹ thuật nhiếp ảnh và quay video	2		2	30				I,II
77	TV334	Internet và các công nghệ trên Internet	2			20	20			I,II
78	XN223	Tạo lập văn bản và giao tiếp hành chính	2	2		30				I,II
79	TV133	Chuyên đề thông tin - thư viện	2	2			60	TV122		I,II
80	TV323	Luận văn tốt nghiệp - TT&TV	10		10		300	≥105TC, TV133		I,II
81	TV322	Tiểu luận tốt nghiệp - TT&TV	4				120	≥105TC, TV133		I,II
82	TN200	Mã nguồn mở	3			30	30			II
83	CT272	Thương mại điện tử - CNTT	3			30	30			I,II
84	KT314	Hệ thống thông tin kinh tế	2			30				I,II
85	KT363	Quản trị văn phòng	2			30				I,II
86	TV134	Môi giới thông tin	2			30				I,II
87	TV135	Quản lý dự án thư viện và các cơ quan thông tin	2			30		TV126		I,II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
88	TV136	Dịch vụ thư viện dành cho trẻ em	2			30				I,II
89	TV310	Hệ thống thông tin thư viện các nước	2			30				I,II
90	TV316	Công tác địa chí	2			30				I,II
91	TV332	Các dịch vụ thư viện đặc biệt	2			30				I,II
92	TV333	Xuất bản điện tử	2			15	30			I,II
Cộng: 58 TC (Bắt buộc: 37 TC; Tự chọn: 21 TC)										
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 99 TC; Tự chọn: 42 TC)										

3. Kế hoạch dạy học

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1									
1	TV101	Xã hội thông tin	3	3		45			SV học theo thời khóa biểu của Trường
2	ML014	Chủ nghĩa Mác-Lênin	2	2		30			
3	TV123	Giao tiếp trong công sở	3	3		45			
4	TV132	Kỹ năng thông tin căn bản	2	2		15	30		
5	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30			
		Cộng	12	12					
Học kỳ 2									
1	QP006	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30			SV học theo thời khóa biểu của Trường
2	QP007	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30			
3	QP008	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65		
4	QP009	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10		
5	TN011	Thống kê xã hội học	2	2		15	30		
6	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3	3		45		ML009	
7	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			
8	TV114	Xác định và đánh giá các nguồn tài nguyên thông tin	2	2		20	20		
9	TV115	Cấu trúc và Tổ chức thông tin	3	3		30	30	TV101	
		Cộng	20	20					
Học kỳ 3									
1	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
2	TC100	Giáo dục thể chất 1	1		1		30		
3	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			Học song hành
4	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		
5	TN037	Microsoft Access	2	2					Học song hành
6	TN038	TT. Microsoft Access	2	2			60		
7	TV104	Công nghệ và các hệ thống thông tin	3	3		30	30	TV101	
8	TV329	Mô tả tài liệu	2	2		15	30	TV115	
9	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	4			60		
		Cộng	19	18	1				
Học kỳ 4									
1	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
2	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	3		45		XH023	
3	TV331	Công tác phục vụ bạn đọc	2	2		20	20		
4	CT187	Nền tảng công nghệ thông tin	3		3	30			
5	CT179	Quản trị hệ thống	3			30			
6	TV137	Nhập môn về công tác quản lý trong các cơ quan thông tin	3	3		45			
7	CT259	Tổng quan về hệ thống e-learning	3		3	45			
8	TV109	Các hệ thống tổ chức và truy cập thông tin	3			30	30		

9	TV117	Quản lý nguồn tài nguyên thông tin	2	2		30			
10	TC100	Giáo dục thể chất 2	1		1		30		
		Cộng	19	16	3				
Học kỳ 5									
1	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	
2	TV302	Quản lý nguồn tài liệu số	3		3	30	30	TV117	
3	TN205	Hệ thống mạng máy tính căn bản	3			30	30		
4	TV122	Phương pháp nghiên cứu khoa học thông tin thư viện	3	3		45		≥60TC, TN011, TV132	
5	TV314	Đào tạo kỹ năng thông tin	2	2		20	20	TV132, TV114	
6	TV124	Định chủ đề	2	2		15	30	TV115	
7	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	3		45		XH024	
8	TV301	Thiết kế Web	3	3		30	30		
9	TV327	Chính sách thông tin	2	2		20			
10	TC100	Giáo dục thể chất 3	1		1		30		
		Cộng	21	17	4				
Học kỳ 6									
1	TV262	Tự động hóa hoạt động thư viện	3	3		30	30	TV104	
2	TV256	Quản lý nội dung Web	2	2		15	30	TV301	
3	TV119	Anh văn chuyên ngành Thông Tin - Thư viện 1	3	3		45		XH025	
4	TV311	Bảo quản tài liệu trong TV&TCCT	2	2		20	20	TV117	
5	TV125	Phân loại tài liệu	2	2		15	30	TV124	
6	TV235	Thực tế TT-TV	1	1			30		
7	TV131	Tạo lập cơ sở dữ liệu TT - TV	3	3		30	30	TV104	
8	TV133	Chuyên đề thông tin - thư viện	2	2			60	TV122	
9	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			
10	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
11	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			
12	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
13	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
14	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		
15	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20		
		Cộng	20	18	2				
Học kỳ 7									
1	TV112	Anh văn chuyên ngành TT - TV 2	3	3		45			
2	TV126	Marketing trong thư viện và CQTT	3	3		45			
3	TV128	Nguồn thông tin kinh tế	2		2	30			
4	TV129	Nguồn thông tin y tế	2			30			
5	TV130	Nguồn thông tin khoa học công nghệ	2			30			
6	TV236	Thực tập thông tin thư viện	2	2			60		
7	TN211	Nhập môn hệ thống thông tin địa lý	2		2	30			
8	TV257	Siêu dữ liệu ứng dụng	2			30			
9	TV263	Ứng dụng nghiệp vụ chuyên môn	2		2	20	20		
10	KT337	Thương mại điện tử				30			
11	TV326	Quản lý nguồn nhân lực và các tổ chức TT-TV	2	2		30			
12	XN110	Kỹ thuật xử lý ảnh và dựng video	2		2	30			
13	TV334	Internet và các công nghệ trên Internet	2			20	20		
14	XN223	Giao tiếp và tạo lập văn bản hành chính	2	2		30			
		Cộng	20	12	8				
Học kỳ 8									
1	TV323	Luận văn tốt nghiệp - TT&TV	10		10		300	≥105TC, TV133	
2	TV322	Tiểu luận tốt nghiệp - TT&TV	4				120	≥105TC,	

							TV133	
3	TN200	Mã nguồn mở	3			30	30	
4	CT272	Thương mại điện tử - CNTT	3			30	30	
5	KT314	Hệ thống thông tin kinh tế	2			30		
6	KT363	Quản trị văn phòng	2			30		
7	TV134	Môi giới thông tin	2			30		
8	TV135	Quản lý dự án thư viện và các cơ quan thông tin	2				60	TV126
9	TV136	Dịch vụ thư viện dành cho trẻ em	2			30		
10	TV310	Hệ thống thông tin thư viện các nước	2			30		
11	TV316	Công tác địa chí	2			30		
12	TV332	Các dịch vụ thư viện đặc biệt	2			30		
13	TV333	Xuất bản điện tử	2			15	30	
Cộng			10		10			
Tổng			141	113	28			

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1.	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
2.	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng và bảo vệ biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
3.	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng ngắn, những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, phòng chống địch tấn công bằng vũ khí công nghệ cao, rèn luyện bản lĩnh, sức khỏe qua các nội dung quân sự, luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị (cấp trung đội). Rèn luyện kỹ năng chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, hiệp đồng chiến đấu trong tiến công, phòng ngự.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
4.	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm giới thiệu cho người học về lịch sử, truyền thống quân, binh chủng, tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, tham quan tìm hiểu các lịch sử, các đơn vị trong lực lượng vũ trang.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5.	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	3	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung trọng tâm cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng ký học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng ký vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng ký 03 học phần: Taekwondo 1(TC003), Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	Bộ môn Giáo dục Thể chất
6.	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	Chương trình môn Anh văn căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				(VSTEP Việt Nam).	
7.	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	Chương trình môn Anh văn căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
8.	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Anh văn căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
9.	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4	Học phần Anh văn tăng cường 1 (trong chương trình Anh văn tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
10.	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Anh văn tăng cường 2 (trong chương trình Anh văn tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
11.	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1)	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	
12.	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày, như giới thiệu bản thân, gia đình, nói về thói quen, sở thích, làm quen và giới thiệu một người nào đó, nói và viết về giờ theo cách thông dụng và hành chính... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, sinh viên sẽ được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bảng mẫu tự của tiếng Pháp, biết cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, viết một số câu đơn giản	Khoa Ngoại ngữ
13.	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Học phần tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng... của tiếng Pháp. Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai... Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian,... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
14.	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Pháp văn căn bản 3 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức về các tình huống giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, kể lại một câu chuyện quá khứ và nói về những dự định trong tương lai. Trong chương trình này, sinh viên sẽ được làm quen với các bài đọc, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ và viết thư. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ và tương lai. Ngoài ra, chương trình môn Pháp văn căn bản 3 cũng hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ của người học ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
15.	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4	Chương trình Pháp văn tăng cường 1 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng liên quan đến đời sống hằng ngày về giới thiệu gia đình, miêu tả người, nhà ở, diễn đạt sở thích và diễn đạt cảm xúc/cảm nhận của cá nhân. Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài đọc khoảng 200 từ, viết đoạn văn ngắn khoảng 80-100 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				theo chuẩn để thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	
16.	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	Chương trình Pháp văn tăng cường 2 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế liên quan đến các tình huống trong đời sống hằng ngày về sức khỏe, công việc và thời gian rảnh... Trong chương trình này, sinh viên được làm quen với các bài đọc khoảng 250 từ, viết đoạn văn khoảng 100-140 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn để thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
17.	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	Chương trình Pháp văn tăng cường 3 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế liên quan đến các tình huống trong đời sống hằng ngày về phương tiện truyền thông, giao tiếp trên mạng xã hội, du lịch khám phá và về những kỉ niệm... Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài khóa khoảng 300 từ, viết đoạn văn khoảng 140-180 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn để thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
18.	TN033	Tin học căn bản (*)	1	Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Khoa học Tự nhiên
19.	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
20.	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác - Lênin bao gồm: Triết học vào vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Triết học Mác - Lênin và vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân	Khoa Khoa học Chính trị

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	
21.	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm; Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt nam.	Khoa Khoa học Chính trị
22.	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính trị
23.	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập học phần Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	Khoa Khoa học Chính trị
24.	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Khoa học Chính trị
25.	KL001	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới	Khoa luật

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				thiệt như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	
26.	ML007	Logic học đại cương	2	Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện.	Khoa Khoa học Chính trị
27.	XH028	Xã hội học đại cương	2	Học phần nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
28.	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố, những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam; phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt Nam; rèn kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa học vào phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
29.	XH012	Tiếng Việt thực hành	2	Học phần được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: giản yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề về chữ viết và chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dùng từ. Tương tự, nội dung Chương 3 là rèn luyện kỹ năng về câu. Chương 4 rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
30.	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Học phần Văn bản - Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, học phần này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
31.	KN001	Kỹ năng mềm	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng quản lý cảm xúc.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên
32.	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Nội dung của học phần tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thế mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
33.	TN011	Thống kê xã hội học	2	Một số phân phối xác suất thông dụng của biến ngẫu nhiên, cụ thể : Phân phối chuẩn, phân phối Khi bình phương, phân phối Student, phân phối Fisher Các phương pháp chọn mẫu, thu thập số liệu mẫu qua phiếu điều tra trong xã hội học, mô tả và trình bày dữ liệu mẫu bằng biểu đồ, tính các tham số đặc trưng của mẫu; Hai dạng bài toán thống kê quan trọng và thường dùng: Ước lượng tham số thống kê và kiểm định giả thiết thống kê. Khảo sát sự tương phản giữa hai biến định lượng để xây dựng đường hồi quy thể hiện mối quan hệ đó. Từ đó có thể dự báo các biến khó quan sát qua những biến có thể quan sát được bằng mô hình hồi qui được xây dựng.	Khoa Khoa học
34.	SP009	Tâm lý học đại cương	2	Học phần Tâm lý học đại cương trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức về tâm lý học đại cương như: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng, nguyên tắc phương pháp nghiên cứu của tâm lý học; bản chất hiện tượng tâm lý con người, những cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý con người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức; Tình cảm; Ý chí; Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách Học phần Tâm lý học đại cương làm nền tảng cho sinh viên tiếp tục nghiên cứu các học phần cơ sở ngành khác có liên quan như: Tâm lý học sư phạm, Tâm lý học tội phạm, Tâm lý học xã hội	Khoa Sư phạm
35.	TN037	Microsoft Access	2	Học phần này cung cấp cho sinh viên khái niệm cơ bản về mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ và những thao tác thông dụng đối với một hệ quản trị cơ sở dữ liệu thông qua phần mềm Microsoft Access. Sinh viên biết tạo ra bảng, truy vấn để tìm kiếm thông tin, tạo các biểu mẫu để nhập dữ liệu và tạo các báo cáo kết xuất dữ liệu	Khoa CNTT
36.	TN038	TT. Microsoft Access	2	Học phần này giúp sinh viên có thể ứng dụng lý thuyết học phần Microsoft Access đã học bằng cách thiết kế cơ sở dữ liệu, Sinh viên được rèn luyện cách thiết kế cơ sở dữ liệu trên máy tính, truy tìm dữ liệu thông qua truy vấn, thiết kế các Form để nhập và chỉnh sửa dữ liệu, tạo báo cáo với cách tập hợp dữ liệu theo mong muốn	Khoa CNTT
37.	TV101	Xã hội thông tin	3	Học phần này cung cấp một cái nhìn tổng thể về những vấn đề, khuynh hướng và cơ quan chủ yếu ảnh hưởng đến việc sáng tạo, phát triển, lưu trữ và sử dụng thông tin trong xã hội, bao gồm: công nghệ thông tin và truyền thông (ITC); sự toàn cầu hoá, Internet và sự bùng nổ thông tin; chính sách thông tin; vai trò của các cơ quan, tổ chức khác nhau (thư viện, cơ quan lưu trữ văn thư, các trung tâm học liệu và thông tin) trong một xã hội tri thức.	Khoa KHXH &NV
38.	TV114	Xác định và đánh giá nguồn tài nguyên thông tin	2	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách xác định các nguồn tài liệu tham khảo chính: từ điển, từ điển bách khoa toàn thư, niên lịch, niên giám, sổ tay, danh bạ, thư mục, mục lục tra cứu, tóm tắt, tiểu sử, nguồn thông tin địa lý, nguồn thông tin của chính phủ và các nguồn thông tin toàn văn khác; các phương pháp tìm kiếm hữu hiệu; các tiêu chí đánh giá thích hợp cho các nguồn thông tin tham khảo phục vụ học tập suốt đời; và cách lựa chọn các nguồn thông tin cho thư viện và các cơ quan thông tin.	Khoa KHXH &NV
39.	TV115	Cấu trúc và tổ chức thông tin	3	Học phần Cấu trúc và tổ chức Thông tin (TV115) Giới thiệu các kỹ thuật và công cụ sử dụng trong thư viện và các cơ quan thông tin nhằm xây dựng và sắp xếp tri thức, bao gồm mô tả, định chủ đề, lập bảng chú dẫn, bảng tóm tắt, phân loại, cơ sở dữ liệu thư	Khoa KHXH &NV

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				mục (metadata), trang Web, cổng thông tin. Sử dụng các ví dụ của các dạng biểu ghi khác nhau và cấu trúc của các công cụ nêu trên. Kiến thức của học phần được vận dụng vào các học phần: Tổ chức thông tin và các hệ thống truy cập thông tin, mô tả tài liệu, định chủ đề và phân loại tài liệu, cơ sở dữ liệu, siêu dữ liệu ứng dụng	
40.	TV104	Công nghệ và các hệ thống thông tin	3	Bên cạnh việc giới thiệu về vòng đời thông tin, những kiến thức cơ bản về hệ thống máy tính, và Internet, học phần giới thiệu khái niệm quy trình thông tin và vai trò của các hệ thống tự động hoá trong việc tổ chức thông tin sự chuyên hoá của chúng từ các kỹ thuật thủ công. Các kỹ thuật này bao gồm các biểu ghi, các tập tin, các phiên bản thủ công và tự động hoá các cơ sở dữ liệu (mục lục, danh mục, toàn văn), các mạng lưới (cục bộ, phân bố). Các loại phần mềm bảng tính, các phần mềm quản lý dữ liệu (tài liệu tham khảo) cũng được trình bày trong học phần	Khoa KHXH &NV
41.	TV137	Nhập môn công tác quản lý trong các cơ quan thông tin	3	Học phần giới thiệu các khái niệm cơ bản về quản lý, các đặc điểm của quản lý, các chức năng, và các nguyên tắc quản lý. Đồng thời, học phần cung cấp kiến thức để sinh viên phân biệt sự khác nhau giữa quản lý và lãnh đạo, vai trò của người quản lý và người lãnh đạo, cũng như vai trò của quản lý và lãnh đạo trong thư viện và các cơ quan thông tin. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và yêu cầu cốt lõi trong lập kế hoạch chuyên môn và kế hoạch chiến lược ngắn, trung và dài hạn cho thư viện. Hơn thế nữa, học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và cách xử lý tình huống về quản lý nhân sự, quản lý cơ sở vật chất, quản lý thời gian và vai trò của người quản lý trong công tác quản lý dự án ở thư viện và các cơ quan thông tin.	Khoa KHXH &NV
42.	TV117	Quản lý nguồn tài nguyên thông tin	2	Nghiên cứu các nguyên tắc, chính sách và thực tế của công tác phát triển và quản lý vốn tài liệu và kiểm định chất lượng cả nguồn tài liệu nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của các nhóm người dùng nhất định. Bao gồm quá trình và thủ tục liên quan đến chính sách phát triển, lựa chọn, bổ sung và bảo quản các thể loại tài liệu kể cả tài liệu in ấn và tài liệu số hóa. Chương trình còn đề cập đến các nguyên tắc thanh lọc và kế hoạch đánh giá vốn tài liệu.	Khoa KHXH &NV
43.	TV122	Phương pháp nghiên cứu khoa học thông tin thư viện	3	Học phần này nhằm tìm hiểu vai trò của nghiên cứu trong môi trường thông tin. Trên cơ sở đánh giá những công trình nghiên cứu đã được công bố để tìm hiểu những phương pháp luận và kỹ thuật nghiên cứu các vấn đề và hiện tượng đang được quan tâm trong môi trường thông tin ở Việt Nam.	Khoa KHXH &NV
44.	TV132	Kỹ năng thông tin căn bản	2	Học phần giới thiệu khái quát về kỹ năng thông tin và quy trình giải quyết vấn đề thông tin hiệu quả. Sinh viên sẽ có cơ hội vận dụng các cách thức xác định nhiệm vụ thông tin, phân biệt các loại nguồn tin, tìm kiếm đánh giá và sử dụng thông tin một cách phù hợp nhằm phục vụ nhu cầu học tập và nghiên cứu hiện tại của bản thân cũng như cho việc học tập suốt đời. Học phần cũng đề xuất các chiến lược đánh giá tính hiệu quả của sản phẩm thông tin và hiệu suất của toàn bộ quá trình giải quyết vấn đề thông tin	Khoa KHXH &NV
45.	TV111	Anh văn chuyên ngành TT-TV 1	3	Học phần giới thiệu vốn thuật ngữ tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành thư viện và những kỹ năng cần thiết giúp sinh viên khai thác thông tin, ý tưởng từ tài liệu chuyên ngành thư viện. Bài tập của từng bài học sẽ giúp sinh viên trau dồi vốn từ, rèn luyện	Khoa KHXH &NV

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				những kỹ năng cần thiết cho việc khai thác văn bản chuyên ngành thư viện ở dạng đọc và nghe; đồng thời sinh viên cũng sẽ được cung cấp ngữ vựng bổ sung ở cuối mỗi bài đọc để thảo luận hoặc viết về những khía cạnh/vấn đề liên quan đến nội dung bài học. Năm chương đầu tập trung trang bị thuật ngữ cơ bản về hoạt động thư viện. Bảy chương cuối sẽ giúp sinh viên tiếp cận thế giới thư viện qua những vấn đề mang tính xã hội và thời sự về nghề thư viện. Trọng tâm học phần là chuẩn bị vốn thuật ngữ cơ bản cho sinh viên và cho học phần Anh Văn chuyên ngành thư viện 2.	
46.	TV112	Anh văn chuyên ngành TT-TV 2	3	Học phần giúp sinh viên mở rộng vốn thuật ngữ tiếng Anh cơ bản (đã hình thành từ học phần TV111) thông qua 16 chủ đề mới trong cùng lĩnh vực, nâng cao kỹ năng khai thác và tái sử dụng kiến thức chuyên ngành cho các hoạt động nghiệp vụ, duy trì sự tự tin trong việc dùng tiếng Anh chuyên ngành lẫn tổng quát để phát huy tính hiệu quả, chuyên nghiệp, và năng động trong công tác chuyên môn, đồng thời giúp các cơ quan thông tin-thư viện ở các vùng kém phát triển được cộng đồng thông tin-thư viện thế giới biết đến, thông hiểu và hỗ trợ, nhằm thúc đẩy sự phát triển đồng đều của ngành Thông tin-Thư viện Việt Nam.	Khoa KHXH &NV
47.	TV123	Giao tiếp trong công sở	3	Học phần giúp sinh viên trang bị kiến thức về cách truyền đạt-tiếp nhận thông tin hiệu quả trong công việc, phát triển kỹ năng làm việc theo ê-kíp, hội họp, thuyết trình, phỏng vấn, và hình thành ý thức giao tiếp-ứng xử chuyên nghiệp, lịch thiệp nhằm tạo bối cảnh xã hội tốt cho các hoạt động trao đổi-truyền đạt thông tin được hiệu quả, giúp công việc đạt năng suất và chất lượng.	Khoa KHXH &NV
48.	CT187	Nền tảng công nghệ thông tin	3	Học phần này cung cấp cho sinh viên khối lượng kiến thức tương đối hoàn chỉnh về nền tảng công nghệ thông tin. Các nội dung chủ yếu bao gồm: Giới thiệu về máy tính, hệ thống máy tính, thiết bị máy tính, hệ điều hành, truyền thông và mạng máy tính, hệ cơ sở dữ liệu, an toàn thông tin, và các hệ thống tính toán chuyên dùng	Khoa CNTT
49.	CT179	Quản trị hệ thống	3	Học phần Quản trị hệ thống giới thiệu cho người học vai trò và vị trí của một nhân viên quản trị trong các hệ thống Công nghệ thông tin và các thành phần cơ sở trong một hệ thống công nghệ thông tin như phần cứng, phần mềm, mạng, dịch vụ, người dùng...Học phần trao đổi về các yêu cầu an ninh và bảo mật cho hệ thống; học phần trình bày về lập tài liệu quản trị cho các hệ thống	Khoa CNTT
50.	CT259	Tổng quan về hệ thống e-learning	3	Học phần giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng và lợi ích của E-learning trong giáo dục và đào tạo. Sinh viên được cung cấp các khái niệm e-learning và các chuẩn áp dụng cho e-learning như chuẩn thiết kế nội dung học, chuẩn thiết kế hệ thống...Học phần cũng cung cấp các kiến thức cơ bản về các hệ quản lý học, các thành phần cần có của nó cũng như một số hệ quản lý học phổ biến hiện nay. Ngoài ra học phần cũng cung cấp các kiến thức về các công cụ tạo nội dung học, nội dung đánh giá	Khoa CNTT
51.	TV109	Các hệ thống tổ chức và truy cập	3	Học phần giới thiệu những hệ thống tự động hoá được sử dụng để tổ chức và truy cập thông tin trong các thư viện và trung tâm thông tin, bao gồm các hệ thống quản lý thư viện tích hợp, hệ thống truy cập văn bản, công cụ tìm kiếm và các hệ thống thư	Khoa KHXH &NV

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		thông tin		viện điện tử. Đồng thời cũng xem xét các yếu tố như các hệ thống chọn lọc và đánh giá thông tin	
52.	TV124	Định chủ đề	2	Học phần giới thiệu các nguyên tắc và thực tiễn việc tạo điểm truy cập cho nguồn thông tin thông qua chủ đề tài liệu; Nghiên cứu lý thuyết và nguyên tắc của việc phân loại để tổ chức và truy cập các nguồn thông tin; thực hành sử dụng tiêu đề chủ đề của thư viện Quốc hội Mỹ phân tích chủ đề và định tiêu đề chủ đề như là các điểm truy cập cho tài liệu. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng giúp xử lý được nội dung tài liệu dựa trên các chuẩn phổ biến của thư viện - thông tin học. Đây là học phần tiên quyết của học phần Phân loại tài liệu	Khoa KHXH &NV
53.	TV125	Phân loại tài liệu	2	Học phần Phân loại tài liệu (TV125) giới thiệu các nguyên tắc và thực tiễn việc tạo điểm truy cập cho nguồn thông tin thông qua chủ đề. Học phần cũng nghiên cứu lý thuyết và nguyên tắc của việc phân loại để tổ chức và truy cập các nguồn thông tin bao gồm khung phân loại theo khía cạnh, liệt kê và khung phân loại tổng hợp. Ngoài ra học phần này còn gồm cả phần thực hành khung Phân loại thập phân Dewey để xác định số phân loại cho tài liệu như một công cụ để tổ chức tài liệu trong thư viện	Khoa KHXH &NV
54.	TV301	Thiết kế Web	3	Học phần gồm 03 tín chỉ, học trong 1 học kỳ, với nội dung chủ yếu là cung cấp nền tảng cơ bản thiết kế website nhằm cung cấp các quy trình cụ thể giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu nhất định trong lĩnh vực thiết kế website. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng các nguyên lý thiết kế, các công cụ và ngôn ngữ để tự xây dựng được một website hay tham gia vào dự án website và có thể đánh giá website	Khoa KHXH &NV
55.	TV126	Marketing trong thư viện và cơ quan thông tin	3	Học phần giới thiệu về các khái niệm marketing, ứng dụng và tầm quan trọng của nó trong các thư viện và tổ chức thông tin. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về marketing dựa trên sứ mệnh, quá trình lập kế hoạch chiến lược marketing và kiểm định marketing; tổ hợp marketing và việc áp dụng tổ hợp marketing để marketing các dịch vụ thư viện. Việc học hỏi kinh nghiệm marketing từ các tổ chức thương mại để áp dụng vào tổ chức phi thương mại như thư viện cũng được chú trọng. Bên cạnh đó, học phần sẽ giúp sinh viên làm quen với những công việc marketing cơ bản như quảng bá, quan hệ công chúng, phân khúc thị trường, nghiên cứu thị trường, xây dựng thương hiệu v.v... Vấn đề marketing trong thời đại số cũng là một phần không thể thiếu. Học phần giúp sinh viên làm quen với việc lập kế hoạch marketing và trình bày kế hoạch theo dạng viết hoặc dạng nói.	Khoa KHXH &NV
56.	TV262	Tự động hóa hoạt động thư viện	3	Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quan về Hệ thống quản lý của một tổ chức Thư viện bao gồm từ việc: xác định tiến trình thư viện hóa (tự động hóa hoạt động TV), phân tích chức năng đến bối cảnh đến hoàn thiện chương trình quản lý thư viện. Trên cơ sở nắm vững những kiến thức về phân tích, tổng hợp, đánh giá hệ thống theo tiêu chuẩn CNTT, các vấn đề trao đổi về thị phần phần mềm quản lý Thư viện; các tổ chức cung cấp sản phẩm phần mềm đến các dự án PM MNM (mã nguồn mở). Trang bị kiến thức về thiết kế một hệ thống tin học hóa thư viện, lựa chọn triển khai một hoặc cả một hệ thống phần mềm dùng chung cho thư viện. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cụ thể cách thiết kế dự án phần mềm gần như một dự án tin học hóa thực sự. Quan trọng nhất là sinh viên có thể tự nhận dạng, xác định được nhu cầu thực tế, các thành phần chức năng của	Khoa KHXH &NV

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				một hệ thống quản lý từ đó có thể tham mưu, đề xuất kế hoạch triển khai hệ thống tự động hóa. Sau cùng, sinh viên được trang bị một số phương pháp lý luận về HTTT, giúp cho sinh viên có khả năng tự dự đoán và nắm bắt được xu hướng công nghệ trong việc phát triển hệ thống quản lý vừa hiện đại vừa bền vững và tiết kiệm.	
57.	TV256	Quản lý nội dung Web	2	Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về các thành phần nội dung của website và cách thức tổ chức, quản lý, tạo lập và trình bày các nội dung đó trong một hệ thống quản lý nội dung web (điển hình là JOOMLA) sao cho hiệu quả đối với người quản lý và dễ sử dụng đối với người dùng. Sau khi kết thúc học phần, người học nhận thức được vai trò của người làm công tác quản lý nội dung web, có thể đánh giá nội dung của một website thông tin, có thể triển khai và xây dựng một website cơ bản với các ứng dụng web 2.0 bằng hệ thống quản lý nội web (WCMS).	Khoa KHXH &NV
58.	TV326	Quản lý nguồn nhân lực và các tổ chức TT-TV	2	Học phần nghiên cứu lý thuyết, thực tiễn và các vấn đề về quản lý nguồn nhân lực; lập kế hoạch và quản lý tài chính, trang thiết bị và nguồn nhân lực và đưa nội dung học vào những tình huống, ngữ cảnh.	Khoa KHXH &NV
59.	TV327	Chính sách thông tin	2	Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về chính sách thông tin, vai trò chính sách thông tin cấp cơ quan, cấp quốc gia, quốc tế trong bối cảnh Việt Nam; quyền sở hữu trí tuệ, sự kiểm duyệt, tiếp cận thông tin, và việc cung cấp thông tin ra ngoài phạm vi quốc gia; các vấn đề liên quan đến công tác thông tin như quyền kiểm duyệt và bảo mật thông tin cá nhân; các tiến trình và các tác nhân có liên quan tới việc phát triển cơ sở hạ tầng và chính sách thông tin ở Việt Nam; Các chính sách thông tin (văn bản pháp quy) có liên quan đến thư viện như pháp lệnh thư viện, luật xuất bản, luật báo chí, luật sở hữu trí tuệ, luật công nghệ thông tin, luật bưu chính viễn thông...	Khoa KHXH &NV
60.	TV235	Thực tế TT-TV	1	Học phần này là cơ hội để sinh viên được trải nghiệm thực sự những gì đến tham quan tìm hiểu tận mắt, tai nghe và được cơ hội tiếp xúc với môi trường hiện đại chuyên nghiệp. Từ đó sinh viên sẽ xác định được sẽ rèn luyện thêm kiến thức lý thuyết (khoa học thông tin thư viện, CNTT, và quản lý) trên lớp và những kỹ năng làm việc và học tập suốt đời. Sau khi kết thúc chuyên tham quan sinh viên sẽ có được định hướng chuyên môn tương lai với những cơ hội nghề nghiệp và nhận thực được những khiếm khuyết về kiến thức kỹ năng cũng như những thay đổi nhận thức về ngành nghề theo hướng thực tế và phù hợp với thời đại.	Khoa KHXH &NV
61.	TV236	Thực tập thông tin thư viện	2	Học phần này là cơ hội để sinh viên được trải nghiệm thực sự những gì đến tham quan tìm hiểu tận mắt, tai nghe và được cơ hội tiếp xúc với môi trường hiện đại chuyên nghiệp. Từ đó sinh viên sẽ xác định được sẽ rèn luyện thêm kiến thức lý thuyết (khoa học thông tin thư viện, CNTT, và quản lý) trên lớp và những kỹ năng làm việc và học tập suốt đời. Sau khi kết thúc chuyên tham quan sinh viên sẽ có được định hướng chuyên môn tương lai với những cơ hội nghề nghiệp và nhận thực được những khiếm khuyết về kiến thức kỹ năng cũng như những thay đổi nhận thức về ngành nghề theo hướng thực tế và phù hợp với thời đại. Hơn thế nữa, học phần trang bị cho sinh viên kiến thức	Khoa KHXH &NV

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				cơ bản và cách xử lý tình huống thực tế tạo đơn vị thực tập nghiệp vụ như tham gia vào tiến trình công việc tại cơ quan như xây dựng các giải pháp ứng dụng CNTT cho thư viện, tham gia xử lý các công tác nghiệp vụ hiện có và đề xuất giải pháp cho cơ quan.	
62.	TV311	Bảo quản tài liệu trong thư viện và cơ quan thông tin	2	Học phần giúp sinh viên hiểu biết các hoạt động bảo quản và bảo tồn tài liệu trong thư viện và trung tâm thông tin. Sinh viên biết được bản chất của tài liệu và các nguyên nhân gây hư hỏng tài liệu từ bên trong, từ môi trường và do tác động của con người. Sinh viên biết cách lập phương án phòng chống tai họa, cách ngăn ngừa và xử lý tài liệu giòn gãy, các kỹ thuật phục chế và đóng sách của thư viện và các cách xử lý bảo tồn căn bản. Từ đó, sinh viên nhận thức được vai trò của cá nhân trong việc bảo quản và động viên mọi người tham gia bảo quản tài liệu của thư viện.	Khoa KHXH &NV
63.	TV128	Nguồn thông tin kinh tế	2	Môn Nguồn thông tin kinh tế (TV128) giới thiệu những khái niệm kinh tế, các loại thông tin kinh tế và nhu cầu thông tin của các nhóm người dùng sử dụng nguồn thông tin này. Học phần khái quát lại các tiêu chí đánh giá các nguồn thông tin đồng thời tập trung xác định và truy cập vào các nguồn thông tin kinh tế hiện có tại Việt Nam. Ngoài ra học phần còn giúp sinh viên biết cách viết hồ sơ về các lãnh đạo công ty, viết các bài báo cáo tình hình kinh tế của công ty dựa trên các số liệu được công bố, xác định và phân tích các sự kiện kinh tế đương đại	Khoa KHXH &NV
64.	TV129	Nguồn thông tin y tế	2	Học phần giúp sinh viên trang bị kiến thức về cách tìm kiếm, đánh giá và khai thác các nguồn thông tin y tế, hình thành kỹ năng khai thác-tổ chức tài nguyên thông tin y tế, xác định và đáp ứng nhu cầu tin bằng sản phẩm và dịch vụ phù hợp, khuyến khích sinh viên ngành thông tin-thư viện khởi nghiệp tự tin và sáng tạo, góp phần bình đẳng hóa cơ hội tiếp cận thông tin y tế cho người dân, sử dụng hợp pháp các nguồn tin và tích cực nghiên cứu phát triển hạ tầng thông tin y tế.	Khoa KHXH &NV
65.	TV130	Nguồn thông tin khoa học công nghệ	2	Học phần giúp sinh viên trang bị kiến thức về cách tìm kiếm, đánh giá và khai thác các nguồn thông tin KHCN, hình thành kỹ năng khai thác-tổ chức tài nguyên thông tin KHCN, xác định và đáp ứng nhu cầu tin bằng sản phẩm và dịch vụ phù hợp, khuyến khích sinh viên ngành thông tin-thư viện khởi nghiệp tự tin và sáng tạo, góp phần bình đẳng hóa cơ hội tiếp cận thông tin KHCN cho người dân, sử dụng hợp pháp các nguồn tin và tích cực nghiên cứu phát triển hạ tầng thông tin KHCN.	Khoa KHXH &NV
66.	TV329	Mô tả tài liệu	2	Học phần mô tả tài liệu TV329) hướng dẫn người học sử dụng các bộ tiêu chuẩn quốc tế ISBD, AACR và khổ mẫu nhập dữ liệu MARC21 để tạo ra các biểu ghi thư mục nhằm giúp đọc giả xác định những nguồn thông tin một cách dễ dàng. Học phần cũng giới thiệu các khuynh hướng mới trong biên mục mô tả tài liệu phù hợp với bối cảnh hiện tại của các nguồn tin	Khoa KHXH &NV
67.	TV131	Tạo lập cơ sở dữ liệu TT - TV	3	Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quan về nền tảng dữ liệu, thông tin và các hệ cơ sở dữ liệu trong một Hệ thống quản lý của một tổ chức Thư viện bao gồm từ việc: xác định các thành phần tiến trình xây dựng và tạo lập CSDL trong thư viện. Trên cơ sở cung cấp những kiến thức căn bản về CSDL, cách thức xây dựng, quản lý và duy trì phát triển một cơ sở dữ liệu trong các tổ chức TT-TV. Sau khi kết thúc, Người học có thể đánh giá được các loại hình CSDL và có khả năng xây dựng	Khoa KHXH &NV

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				được kế dự án phần mềm tạo lập để quản lý công tác quản lý TT-TV.	
68.	TV314	Đào tạo kỹ năng thông tin	2	Học phần này sẽ tập trung nghiên cứu về khái niệm và các thành tố cơ bản của kỹ năng thông tin (KNTT), cũng như cách thức vận dụng KNTT vào quá trình giải quyết vấn đề thông tin của một cá nhân. Đây là nền tảng cơ bản để sinh viên có thể xây dựng và phát triển chương trình đào tạo KNTT phù hợp với nhiều đối tượng người dùng tin trong các môi trường thông tin khác nhau.	Khoa KHXH &NV
69.	TV331	Công tác phục vụ bạn đọc	2	Học phần này giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của dịch vụ tham khảo và những dịch vụ tiện ích khác của thư viện nhằm đáp ứng nhu cầu bạn đọc. Sinh viên sẽ được giới thiệu những kỹ thuật sử dụng trong dịch vụ tham khảo để nắm bắt nhu cầu thông tin của những nhóm khách hàng cụ thể trong tất cả môi trường thông tin. Ngoài ra, sinh viên cũng có thể học hỏi những phương pháp huấn luyện đội ngũ cán bộ tham khảo, phương pháp đào tạo người dùng và phương pháp đánh giá dịch vụ tham khảo. Xu hướng phát triển hiện nay của các thư viện là đẩy mạnh dịch vụ tham khảo ảo là một phần không thể thiếu trong nội dung chương trình. Các hoạt động hướng ra bên ngoài thư viện như dịch vụ cán bộ liên lạc trong thư viện học thuật và dịch vụ thư viện lưu động của thư viện công cộng cũng sẽ được thảo luận.	Khoa KHXH &NV
70.	TN211	Nhập môn hệ thống thông tin địa lý	2	Học phần này giúp cho sinh viên hiểu được tầm quan trọng của hệ thống thông tin địa lý trong các lĩnh vực ứng dụng và các thành phần cơ bản của hệ thống thông tin địa lý. Sinh viên được cung cấp các kiến thức cơ bản về bản đồ số và các nguyên lý của hệ thống thông tin địa lý. Sinh viên làm quen với việc tổ chức, quản lý và các phương pháp phân tích xử lý dữ liệu bản đồ số và thông tin địa lý trên máy tính. Học phần này rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cơ bản sử dụng phần mềm GIS thông dụng để phục vụ cho các đề tài nghiên cứu sau này.	Khoa CNTT
71.	TV257	Siêu dữ liệu ứng dụng	2	Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về khái niệm siêu dữ liệu, các chuẩn siêu dữ liệu quốc tế ; trên cơ sở đó học phần sẽ giúp Người học có thể tự tìm hiểu và ứng dụng 1 số chuẩn siêu dữ liệu mà mình học vào các môn mô tả tài liệu, lưu trữ và quản lý biểu ghi. Sau cùng, học phần này hỗ trợ tích cực cho Người học khả năng lựa chọn và vận dụng tiêu chuẩn siêu dữ liệu trong việc tạo và quản lý nguồn tài nguyên điện tử trong bối cảnh thông tin ở Việt Nam	Khoa KHXH &NV
72.	TV302	Quản lý nguồn tài liệu số	3	Học phần xem xét lý do căn bản, các cách tiếp cận thực tế của việc tạo và quản lý các nguồn tài nguyên số cũng như các thư viện số; thảo luận về các tài nguyên được chọn để số hóa, các chuẩn và điều kiện thực hành tốt nhất cho số hóa, các nguồn tài nguyên tổng hợp đưa vào bộ sưu tập số, cũng như việc bảo quản các nguồn tài nguyên số về lâu dài	Khoa KHXH &NV
73.	TN205	Hệ thống mạng máy tính căn bản	3	Học phần cung cấp cho người đọc các nguyên lý nền tảng về mạng máy tính. Người đọc sẽ tìm thấy những vấn đề phát sinh cần phải quan tâm khi xây dựng một mạng máy tính từ gốc độ phần cứng, hệ điều hành mạng, phần mềm hệ thống và ứng dụng mạng. Các kiến thức trong giáo trình sẽ giúp người đọc có thể lý giải được cách thức hoạt động và vận hành của một mạng máy tính hay một ứng dụng mạng. Đây là các cơ sở cần thiết để người đọc có thể học tập và nghiên cứu những lĩnh vực khác	Khoa CNTT

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				nhau về mạng như thiết kế và cài đặt mạng máy tính, bảo mật mạng máy tính, xây dựng ứng dụng mạng	
74.	TV263	Ứng dụng nghiệp vụ chuyên môn	2	Học phần tập trung trình bày các ứng dụng các kiến thức trong lĩnh vực thông tin thư viện vào các hoạt động quản lý thông tin trong các môi trường khác như, cơ quan truyền thông, doanh nghiệp, bệnh viện....	Khoa KHXH &NV
75.	KT337	Thương mại điện tử	2	Nội dung học phần tập trung vào những kiến thức tổng quan về thương mại điện tử, cách thức giao dịch trong thương mại điện tử và một số nghiệp vụ trong kinh doanh điện tử	Khoa Kinh tế
76.	XN110	Kỹ thuật nhiếp ảnh và quay video	2	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về máy ảnh kỹ thuật số, hướng dẫn sử dụng máy ảnh kỹ thuật số đến những yếu tố, linh kiện phục vụ tốt trong nhiếp ảnh, kỹ thuật chụp ảnh người trời, trong phòng, kkht chụp ảnh chân dung, phong cảnh phục vụ cho chuyên ngành hướng dẫn viên du lịch, sử dụng phần mềm photoshop trong chỉnh sửa ảnh cơ bản, kỹ thuật quay phim, các cỡ cảnh tiêu chuẩn, quay phim theo thể loại đúng với kỹ thuật của đài truyền hình, Học phần có 40 tiết thực hành	Khoa KHXH &NV
77.	TV334	Internet và các công nghệ trên Internet	2	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về mạng và Internet như : dịch vụ kết nối, các cách kết nối, so sánh và đánh giá các loại trình duyệt và trang bị cho người học kiến thức về kiến trúc Internet. Bên cạnh đó, học phần cung cấp kiến thức về các công nghệ Internet vào môi trường thư viện như tìm kiếm thông tin trên Google nói riêng và Internet nói chung, các ứng dụng web 2.0 vào môi trường thông tin-thư viện và bảo mật thông tin trong lĩnh vực này.	Khoa KHXH &NV
78.	XN223	Tạo lập văn bản và giao tiếp hành chính	2	Học phần trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về giao tiếp hành chính trong môi trường thực thi công vụ cũng như các kiến thức kỹ năng và thái độ đúng đắn về công tác tạo lập, soạn thảo văn bản quản lý nhà nước trong mối quan hệ với giao tiếp hành chính	Khoa KHXH &NV
79.	TV133	Chuyên đề thông tin - thư viện	2	Học phần giúp sinh viên thực hiện các ý tưởng nghiên cứu dạng đề tài nhỏ và trình bày kết quả nghiên cứu bằng hình thức viết báo cáo dạng chuyên đề	Khoa KHXH &NV
80.	TV323	Luận văn tốt nghiệp - TT&TV	10	Học phần luận văn tốt nghiệp (TV323) giúp sinh viên thực hành nghiên cứu khoa học, hệ thống hóa và vận dụng các kiến thức lý thuyết về thông tin thư viện đã được tích lũy để giải quyết một vấn đề khoa học cụ thể. Học phần còn rèn luyện cho sinh viên khả năng nghiên cứu khoa học để có thể trở thành một người nghiên cứu độc lập và có khả năng tự học tập	Khoa KHXH &NV
81.	TV322	Tiểu luận tốt nghiệp - TT&TV	4	Học phần giúp sinh viên củng cố kiến thức thực hành về quy trình thực tế của một công trình nghiên cứu khoa học với quy mô nhỏ, phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề dựa trên kiến thức chuyên môn và phương pháp nghiên cứu khoa học, và hình thành ý thức tích cực nghiên cứu để khám phá tri thức mới, thúc đẩy sự tiến bộ khoa học.	Khoa KHXH &NV
82.	TN200	Mã nguồn mở	3	Phần mềm nguồn mở là học phần chuyên ngành rất quan trọng của chương trình đào tạo cử nhân, kỹ sư công nghệ thông tin. Phần mềm nguồn mở là cơ hội tốt cho phát triển công nghệ thông tin, đảm bảo việc khai thác tối đa, tận dụng trí tuệ của thế giới, và mang lại các lợi ích cho cộng đồng, tạo ra thị trường mới đối với các sản phẩm ứng dụng. Sinh viên chuyên ngành công nghệ thông tin cần được trang bị tốt kiến thức về Linux, các loại giấy phép và triết lý phần mềm nguồn mở, nhằm trợ giúp sinh viên có được sự lựa chọn đúng đắn khi phát triển các phần mềm và ứng dụng các phần mềm nguồn mở vào thực tiễn.	Khoa CNTT

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
83.	CT272	Thương mại điện tử - CNTT	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về thương mại điện tử thông qua việc tóm lược tình hình phát triển TMĐT trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Học phần cũng giới thiệu các khía cạnh ảnh hưởng đến sự phát triển của TMĐT các mô hình TMĐT như B2B, B2C. Học phần tập trung vào các kỹ thuật và công cụ để phát triển nhanh một hệ thống TMĐT như các yêu cầu cần tuân thủ đối với một hệ thống TMĐT, lựa chọn giải pháp, kỹ thuật xây dựng các website TMĐT, phương pháp phát triển, tích hợp dựa trên nền tảng các hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	Khoa CNTT
84.	KT314	Hệ thống thông tin kinh tế	2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về hệ thống thông tin, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của hệ thống và công nghệ thông tin các doanh nghiệp sử dụng để đạt được các mục tiêu kinh doanh. Nội dung chính của học phần gồm Tầm quan trọng của thông tin thông tin trong doanh nghiệp đặc biệt là trong quá trình toàn cầu hóa, mối quan hệ giữa hệ thống thông tin và tổ chức cũng như ảnh hưởng của hệ thống thông tin đến tổ chức và doanh nghiệp; cách thức sử dụng hệ thống thông tin để đạt được lợi thế cạnh tranh; các kiến thức về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp, cách thức quản lý hệ thống thông tin toàn cầu và các vấn đề về tội phạm thông tin, đạo đức thông tin, sự bảo mật trong doanh nghiệp	Khoa Kinh tế
85.	KT363	Quản trị văn phòng	2	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết trong quá trình quản trị hoạt động của các văn phòng, tổ chức doanh nghiệp, Bên cạnh đó, việc tổ chức lao động trong văn phòng, các chức năng và công việc của nhân viên văn phòng được phân tích và gắn với thực tiễn công việc đang tiến hành trong doanh nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong hoạt động nghiệp vụ văn phòng như tổ chức một ngày làm việc và hoạch định kế hoạch thực hiện, đồng thời trang bị các kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề	Khoa Kinh tế
86.	TV134	Môi giới thông tin	2	Học phần giúp sinh viên trang bị kiến thức về nghiệp vụ môi giới thông tin, hình thành kỹ năng xác định nhu cầu tin, khai thác và đóng gói nguồn tin phù hợp, khuyến khích sinh viên khởi nghiệp tự tin và sáng tạo, phát huy tinh thần trách nhiệm trong việc bình đẳng hóa cơ hội tiếp cận thông tin cho người dân, sử dụng hợp pháp các nguồn tin và tích cực nghiên cứu phát triển hạ tầng thông tin.	Khoa KHXH &NV
87.	TV135	Quản lý dự án thư viện và các cơ quan thông tin	2	Học phần giúp sinh viên nắm vững nội dung và yêu cầu của việc quản lý dự án. Sinh viên biết được nhóm quy trình quản lý dự án: quy trình bắt đầu dự án, quy trình lập kế hoạch, quy trình thực thi dự án, quy trình kiểm soát dự án và quy trình kết thúc dự án. Sinh viên được tập huấn các phương pháp quản lý dự án, bao gồm: phương pháp quản lý phạm vi/yêu cầu của dự án, quản lý thời gian, quản lý chi phí, quản lý chất lượng, quản lý rủi ro, quản lý truyền thông, quản lý nguồn nhân lực, quản lý đầu thầu, quản lý tích hợp và quản lý người liên quan. Sinh viên sẽ vận dụng được các phương pháp, kỹ năng đã học để viết một đề xuất xin tài trợ kinh phí với quy mô nhỏ cho thư viện và các cơ quan thông tin. Sinh viên sẽ nhận thức được vai trò của cá nhân trong việc tìm hiểu các đơn vị tài trợ và đóng góp ý tưởng trong việc đề xuất xin tài trợ	Khoa KHXH &NV
88.	TV136	Dịch vụ thư viện dành cho	2	Học phần giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của dịch vụ thư viện dành cho thiếu nhi, các đặc điểm về tâm lý và nhu cầu, thói quen đọc sách của thiếu nhi từng độ tuổi. Các thể loại và	Khoa KHXH &NV

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		trẻ em		hình thức tài liệu khác nhau dành cho các nhóm lứa tuổi thiếu nhi khác nhau; những nguyên tắc cũng như phương pháp lựa chọn đánh giá tài liệu được giới thiệu. Học phần cũng hướng dẫn cách thiết kế & tổ chức các dịch vụ, chương trình hoạt động trong thư viện dành cho thiếu nhi. sinh viên được làm quen và thực hành các phương pháp giới thiệu sách, kể chuyện sách - một phần không thể thiếu trong hoạt động thư viện dành cho thiếu nhi. Vấn đề quản lý, quảng bá, những cơ hội cũng như thách thức trong hoạt động thư viện phục vụ thiếu nhi cũng sẽ được thảo luận.	
89.	TV310	Hệ thống thông tin thư viện các nước	2	Học phần Hệ thống Thông tin Thư viện các nước trên thế giới (TV310) giới thiệu quá trình hình thành và phát triển thư viện trên thế giới, các hệ thống thông tin thư viện ở một số quốc gia Đông Nam Á và Phương Tây, những xu hướng mới trong việc phát triển thư viện trên thế giới và Việt nam. Học phần cũng giúp cho sinh viên nhận ra bối cảnh và những thách thức của thư viện trong cuộc cách mạng 4.0	Khoa KHXH &NV
90.	TV316	Công tác địa chí	2	Môn học giới thiệu về công tác địa chí của thư viện và tầm quan trọng của nó đối với xã hội; lịch sử phát triển của địa chí văn hóa Việt Nam. Các vấn đề về bổ sung tài liệu địa chí bao gồm việc thu thập, xử lý và phổ biến các tài liệu địa chí và xuất bản phẩm địa phương; việc xây dựng bộ máy tra cứu tài liệu địa chí trong các thư viện công cộng cũng được thảo luận. Học phần hướng dẫn các phương pháp triển khai các hoạt động tuyên truyền, giới thiệu tài liệu địa chí nhằm nâng cao hiệu quả công tác phục vụ tài liệu địa chí tại các thư viện. Sinh viên được làm quen và thực hành phương pháp điểm sách và giới thiệu tài liệu địa chí mới và xây dựng trang web địa chí cho thư viện công cộng của một địa phương cụ thể.	Khoa KHXH &NV
91.	TV332	Các dịch vụ thư viện đặc biệt	2	Môn học giới thiệu về lý do tồn tại của các loại hình dịch vụ thư viện đặc biệt, như dịch vụ thư viện dành cho trẻ em, dịch vụ thư viện dành cho người khuyết tật, thư viện chính phủ. Sinh viên sẽ được tìm hiểu cách thiết kế các dịch vụ; các nguyên tắc và phương pháp trong việc lựa chọn và đánh giá tài liệu dành cho các đối tượng này (bao gồm cả tài liệu in ấn và tài liệu không ở dạng in ấn), cách thức cung cấp các dịch vụ và các chương trình hoạt động. Những vấn đề quản lý, phát triển và các xu hướng hiện tại liên quan đến các loại hình thư viện này cũng sẽ được thảo luận.	Khoa KHXH &NV
92.	TV333	Xuất bản điện tử	2	Môn học giới thiệu các khái niệm cơ bản về xuất bản, xuất bản phẩm, xuất bản điện tử; các định dạng và tiêu chuẩn để xác định giá trị của tài liệu; các nguồn tài liệu số; các hoạt động xuất bản và giải pháp số hóa bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin liên quan đến xuất bản điện tử; các nội dung trong hoạt động xuất bản và xuất bản phẩm ở Việt Nam; các qui định cần hiểu rõ trong luật xuất bản đối với hoạt động xuất bản. Thông qua môn học , người học có thể xác định và đánh giá các loại xuất bản phẩm; sử dụng các phần mềm và các tiện ích đơn giản để tạo ra một bộ sưu tập tài liệu số.	Khoa KHXH &NV

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

5. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào đặc trưng của từng ngành học, nội dung từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học có thể gồm những hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng (tại những cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông trại,...) hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học, giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy học đa dạng như sau: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp học qua dự án, phương pháp nghiên cứu trường hợp, phương pháp học qua tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi, tự học độc lập,...

6. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt tiến trình đào tạo) và đánh giá tổng hợp thực hiện định kỳ vào giữa và cuối các tiến trình học tập (ví dụ như đánh giá giữa học kỳ và đánh giá cuối học kỳ). Các phương pháp đánh giá trực tiếp và gián tiếp thông qua: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, khóa luận tốt nghiệp,... - Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.



Cần Thơ, ngày 25 tháng 12 năm 2020

Q. TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Huỳnh Mai

PHỤ LỤC ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN